TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 134/2026/HS-ST Ngày: 04/6/2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Hưng

Bà Lê Thị Thanh Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tô Thị Lan Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 120/2026/TLST-HS ngày 13/5/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/QĐXXST-HS ngày 19/5/2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q; tên gọi khác: không; sinh ngày: 24/4/1988, tại Hải Phòng; nơi cư trú: thôn B, xã N, thành phố H; nơi ở: tổ A, khu G, phường B, tỉnh Q ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị D; vợ: Hoàng Thị T; có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 10/3/2026 và bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 10/3/2026 đến ngày 18/3/2026, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Tạm hoãn xuất cảnh"; hiện tại ngoại, có mặt.

2. Trần Anh V; tên gọi khác: không; sinh ngày: 30/12/1992, tại Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ G, khu T, phường H, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức H (đã chết) và bà Phạm Thị M; vợ: Ngô Bích H1; có 01 con, sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 10/3/2026 và bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 10/3/2026 đến ngày 18/3/2026, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Tạm hoãn xuất cảnh"; hiện tại ngoại, có mặt.

* *Bị hại*: Anh Bùi Duy T1; sinh năm: 1998; nơi cư trú: căn B, Chung cư H, tổ I, khu T, phường H, tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt.

* *Người làm chứng*:

- Ông Phạm Văn P; sinh năm: 1989; vắng mặt.
- Chị Hoàng Thị T; sinh năm: 1988; có mặt.
- Chị Nguyễn Thị N; sinh năm: 1965; có mặt.
- Anh Vũ Công T2; sinh năm: 1989; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Anh V là nhân viên giám sát kỹ thuật chung cư H, địa chỉ tại tổ I, khu T, phường H, tỉnh Q và Nguyễn Văn Q là bạn bè (trước đây cùng làm việc tại chung cư H). Vào khoảng 12 giờ ngày 14/01/2026, do có ý định mua xe máy điện cho con đi học nên Nguyễn Văn Q nhắn tin qua ứng dụng Zalo nhờ V đến cửa hàng xe máy điện tại phường C để xem giúp, vì Q đang đi làm ở thành phố Hải Phòng không về kịp. V bảo Q có một số chiếc xe bám bụi để lâu dưới tầng hầm Chung cư H không thấy ai sử dụng. Thấy vậy, Q nói với V "thật hay đùa để còn sang lấy trộm" và bảo V chụp ảnh để xem xe. Văn chụp nhiều ảnh gửi qua ứng dụng Zalo cho Q xem và bảo Q chọn xe. Sau khi xem ảnh, Q chọn một chiếc máy điện màu đỏ.

Khoảng 18 giờ Q điều khiển xe mô tô đi từ H về đến cầu B gọi điện cho V thì V bảo đang ngồi uống bia cùng 02 người bạn ở dưới gầm cầu B và bảo Q đến. Quyết đến quán bia cùng mọi người ngồi uống bia đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì cả 04 người tiếp tục đi hát tại phường C, tỉnh Q. Đến khoảng 22 giờ 15 phút, V và Q đi xe taxi về chung cư H rồi xuống hầm để xe máy điện để xem xe. Q chọn lấy xe máy điện nhãn hiệu Vinfast Evo 200, màu đỏ, biển số 14AA-178.58 (xe của anh Bùi Duy T1, sinh năm 1998; trú tại: Căn hộ B, chung cư H thuộc tổ I, khu T, phường H, tỉnh Q) và bảo Văn D1 xe, còn Q đi vào phòng phòng kỹ thuật ngồi uống nước. Khoảng 05 phút sau, Văn dắt chiếc xe máy điện ra dựng xe trước cửa phòng kỹ thuật. Sau đó Q ra dắt xe lên cửa hầm, do không mở được khóa và đã là nửa đêm không gọi được thợ thay khóa nên cả hai đã đưa chiếc xe máy điện về nhà Văn ở tổ G, khu T, phường H cất giấu. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 15/01/2026, Q sang nhà Văn, tại đây Q gọi thợ sửa khóa là anh Phạm Văn P nhưng anh P bảo chưa có dụng cụ để thay khoá, nên V đã gọi thuê xe tải của anh Vũ Công T2 chở chiếc xe máy điện về nhà Q tại phường B. Đến sáng ngày 16/01/2026, Q gọi anh P thợ sửa khóa đến thay ổ khóa và sử dụng chiếc xe máy điện trộm cắp để làm phương tiện di chuyển hàng ngày.

Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 07/3/2026, anh Bùi Duy T1 thấy ứng dụng Vinfast trên điện thoại di động của mình báo chiếc xe máy điện biển số 14AA-178.58 đang trong tình trạng pin yếu, anh T1 xuống hầm gửi xe của chung cư kiểm tra thì không thấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu Vinfast Evo 200, màu đỏ, biển số

14AA-178.58 đâu, anh T1 kiểm tra hệ thống định vị của xe thì phát hiện xe hiện đang định vị tại khu vực ngõ A, đường C, phường B, tỉnh Q. Biết chiếc xe đã bị trộm cắp nên ngày 08/03/2025 anh T1 đến Công an phường H trình báo.

Qua xác minh, Công an phường H đã kiểm tra thu giữ chiếc xe máy nhãn hiệu VINFAST EVO 200, màu sơn đỏ, biển số 14AA-178.58 tại nhà Nguyễn Văn Q, tại tổ A, khu G, phường B, tỉnh Q.

Tại Bản Kết luận định giá số 05 ngày 09/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự phường H kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vinfast Evo 200, màu đỏ, biển số 14AA-178.58, sản xuất năm 2024 (tài sản đã qua sử dụng) trị giá 15.833.000đ (mười năm triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 111/CT-VKSKV1 ngày 12/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Anh V về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà Trần Anh V, Nguyễn Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Về tài sản trộm cắp là xe mô tô nhãn hiệu Vinfast Evo 200 đã trả lại cho bị hại anh Bùi Duy T1. Khi bị bắt, mỗi bị cáo bị thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, các điện thoại này các bị cáo sử dụng liên lạc trao đổi việc trộm cắp tài sản.

Bị hại anh Bùi Duy T1 xác nhận đã được trả lại xe mô tô nhãn hiệu Vinfast Evo 200, màu đỏ, biển số 14AA-178.58, không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người làm chứng khai:

Chị Nguyễn Thị N: Chị là bảo vệ Chung cư H. Ngày 14/01/2026 chị nhận ca trực trông xe tại hầm để xe của chung cư. Khoảng 22 giờ 10 phút đến 22 giờ 25 phút cùng ngày, chị đi vệ sinh, sau đó quay trở lại làm việc. Chị không biết có sự việc gì xảy ra trong khoảng thời gian đó. Đến ngày 10/3/2026, Cơ quan công an mời lên làm việc chị mới biết sự việc trộm cắp xảy ra vào ngày 14/01/2026 tại hầm để xe.

Chị Hoàng Thị T: Chị là vợ của anh Nguyễn Văn Q. Tháng 01/2026, anh Q mang về nhà 01 xe mô tô nhãn hiệu Vinfast Evo 200, màu đỏ, biển số 14AA-178.58. Chị hỏi anh Q về nguồn gốc xe, anh Q trả lời là mua. Sau đó, anh Q dùng để đi lại. Chị không biết xe này do anh Q trộm cắp, sau này chị mới được cơ quan công an thông báo cho biết.

Ông Phạm Văn P: Ông là thợ sửa khóa. Ngày 15/01/2026, có người đàn ông (sau này ông biết tên là Nguyễn Văn Q) gọi điện thoại thuê ông mở khóa xe máy điện. Ngày 16/01/2026, ông đến nhà Q tại phường B kiểm tra xe và đánh chìa khóa. Q nói với ông xe này được cho và làm mất chìa khóa. Sau khi đánh xong chìa khóa, Q trả công cho ông 400.000 đồng. Ông không biết xe do Q trộm cắp mà có.

Anh Vũ Công T2: Anh và anh Trần Anh V có mối quan hệ quen biết. Khoảng 10 giờ 05 phút ngày 15/01/2026, anh V gọi điện và bảo anh đến nhà chở xe đạp điện về Cái D (B). Khi đến nơi, anh V và một người đàn ông đưa xe đạp điện lên thùng xe. Sau đó, anh V vào nhà, còn người đàn ông đi xe mô tô dẫn đường anh về nhà người này ở phường B. Sau khi đưa xe vào nhà, người này trả công cho anh 300.000 đồng. Anh không biết nguồn gốc chiếc xe này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Q và Trần Anh V mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: "Trộm cắp tài sản".

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Bùi Duy T1 đã được trả lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

- Hình phạt bổ sung: hiện nay các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Xử lý vật chứng: căn cứ khoản 1, điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: tịch thu 02 điện thoại di động nộp ngân sách Nhà nước; tịch thu tiêu huỷ 02 sim điện thoại; đối với xe mô tô nhãn hiệu Vinfast Evo 200, màu đỏ, biển số 14AA-178.58 đã trả cho bị hại nên không đề cập giải quyết.

Các bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Anh V đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, Bản ảnh hiện trường, Biên bản xác định hiện trường cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 14/01/2026, tại tầng hầm Chung cư H thuộc tổ I, khu T, phường H, tỉnh Q, Nguyễn Văn Q và Trần Anh V có hành vi lén lút trộm cắp một chiếc mô tô điện nhãn hiệu Vinfast Evo 200, màu đỏ, biển số 14AA-178.58 trị giá 15.833.000đ (mười lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) của anh Bùi Duy T1 để sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, làm mất trật tự trị an. Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng để răn đe, cải tạo, giáo dục và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng năng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về vai trò và mức hình phạt: đây là vụ án đồng phạm giản đơn, mang tính bộc phát. Bị cáo V là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, được Q đồng tình ủng hộ, cả hai cùng nhau thực hiện hành vi lấy xe, sau đó Q là người trực tiếp sử dụng xe, nên hai bị cáo có vai trò và mức hình phạt ngang nhau là phù hợp. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt và không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục, răn đe phòng ngừa đồng thời để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Bùi Duy T1 đã được trả lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm. Do đó không đề cập giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[8] Xử lý vật chứng:

Đối với mô tô điện nhãn hiệu Vinfast Evo 200, màu đỏ, biển số 14AA-178.58, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q có Quyết định xử lý vật chứng trả cho chủ sở hữu là anh Bùi Duy T1 là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên không đề cập giải quyết.

Đối với 02 điện thoại nhãn hiệu Iphone thu giữ của các bị cáo sử dụng liên lạc, trao đổi trộm cắp tài sản cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 02 sim kèm theo điện thoại không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 06 (sáu) đĩa DVD chuyển kèm theo hồ sơ cần tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: bị cáo Nguyễn Văn Q và bị cáo Trần Anh V mỗi người phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q và bị cáo Trần Anh V phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Văn Q 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Trần Anh V 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND phường B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Anh V cho UBND phường H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Q có trách nhiệm phối hợp với UBND phường B, tỉnh Quảng Ninh; gia đình bị cáo V có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: căn cứ khoản 1, điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh (theo công an miêu tả là kiểu dáng Iphone 11).

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) sim điện thoại.

(vật chứng theo Biên bản bàn giao vật chứng, tài sản số 161/BB-THA-KV1 ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Quảng Ninh).

3. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Văn Q và Trần Anh V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND Khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh (PV06);
- Phòng cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Quảng Ninh (PC10);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Hiền